

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **53/2021/HS-ST**.
Ngày 20/5/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYỀN QUANG.**

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thảo

2. Bà Lý Thị Nhân

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2021/TLST-HS, ngày 19 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST-HS, ngày 09 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/HSST-QĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đoàn Thị L**, sinh ngày 17/01/1990;

Nơi ĐKKTT và nơi ở: Thôn Trung Tâm, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

Dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; con ông Đoàn Huy T, sinh năm 1962 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1969; anh, chị, em ruột: Có 02 người, bị cáo là thứ nhất; chồng: Thèn Văn V, sinh năm 1987; con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2010 con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Có mặt tại phiên tòa).

*** Người bị hại:** Công ty Tài chính TNHH MTV H; địa chỉ: Tầng G, 8 và 10 Tòa nhà Phụ Nữ, số 20 Nguyễn Đăng Giai, phường T, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà A; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Ngọc S; chức vụ: Chuyên viên an ninh Công ty.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9/2019, Đoàn Thị L, trú tại thôn Trung Tâm, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, lúc đó là công nhân tại Công ty Hadanbi Vina thuộc khu công nghiệp Điện Thủy, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, trên đường đi làm nhật được 01 Chứng minh nhân dân, 01 Giấy phép lái xe đều mang tên Đàm Thị L, sinh ngày 18/10/1986, nơi ĐKKHKT tại xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn; lệ giữ lại những giấy tờ trên. Ngày 21/01/2020, L nghỉ việc tại Công ty Hadanbi Vina về sinh sống tại thôn Trung tâm, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, L mang theo những giấy tờ đã nhật được của L về nhà.

Đầu tháng 02/2020, L nảy sinh ý định sử dụng giấy tờ của Đàm Thị L để mua điện thoại trả góp, nhằm trốn tránh trách nhiệm trả nợ để chiếm đoạt tài sản. L học thuộc các thông tin trên giấy tờ của L để trả lời khi nhân viên tư vấn tài chính hỏi, để không bị phát hiện là mình không phải là Đàm Thị L.

Khoảng 11 giờ ngày 03/02/2020, L một mình đến cửa hàng Viettel, địa chỉ cửa hàng số 121, 123, 125 đường Bình Thuận, thuộc tổ 8, phường T, thành phố T để mua 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A50S, trị giá 5.990.000 đồng, hình thức thanh toán trả góp, trả trước 990.000 đồng tiền mặt. Tại cửa hàng, L gặp và đưa Giấy chứng minh nhân dân, Giấy phép lái xe mang tên Đàm Thị L cho nhân viên tư vấn tài chính của Công ty Tài chính TNHH MTV H (viết tắt là Công ty H) tại thành phố T là anh Lương Mạnh C, L giới thiệu mình là L để anh C làm thủ tục vay tiền cho L vay tiền mua điện thoại di động trả góp. Sau khi kiểm tra thấy L trả lời đúng các thông tin trên giấy tờ mang tên Đàm Thị L, do nhầm tưởng L là người mang tên Đàm Thị L nên anh C lập Giấy đề nghị vay vốn kiêm bản đăng ký sử dụng dịch vụ điện tử, có chữ ký của Đàm Thị L (do L giả danh L để ký) để làm thủ tục cho L (thực tế là L) vay số tiền 5.150.000 đồng (phí bảo hiểm 150.000 đồng) của Công ty H trong thời hạn 06 tháng, trả góp 870.000 đồng/tháng. Sau khi làm xong thủ tục vay vốn trả góp mua điện thoại di động, L nộp 990.000 đồng cho nhân viên cửa hàng Viettel rồi mang chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A50S về nhà. Trên đường đi đến khu vực Dốc Đỏ thuộc phường N, thành phố T, L vứt bỏ toàn bộ giấy tờ của Đàm Thị L. Đối với L sau khi chiếm đoạt được tiền vay của Công ty H, L không liên lạc, không thanh toán số tiền đã vay cho Công ty.

Đến khoảng tháng 5/2020 L bị rơi chiếc điện thoại trên tại khu vực thành phố Hà Nội, L không xác định được cụ thể rơi ở đâu, nên trong quá trình điều tra không thu giữ được điện thoại.

Tại Kết luận giám định số 855/GĐ-KTHS ngày 23/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Chữ ký “L” và chữ viết “Đàm Thị L” dưới mục “Xác nhận của người đề nghị (ký, ghi rõ họ tên)” tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm bản đăng ký sử dụng dịch vụ điện tử ghi ngày 03/02/2020 (ký hiệu A1) với chữ viết, chữ ký đứng tên Đoàn Thị L trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người viết và ký.

Tại Cáo trạng số 31/CT-VKSTP, ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố Đoàn Thị L về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đoàn Thị L về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, n, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Đoàn Thị L từ 07 tháng tù đến 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, áp dụng thời gian thử thách đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền, đối với bị cáo; buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền 5.150.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt, nhưng được trừ đi số tiền 2.000.000 đồng mà bị cáo đã tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố để bồi thường trước một phần cho Công ty H, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 3.150.000 đồng. Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phần án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Viện kiểm sát; bị cáo xác nhận số tiền mình đã chiếm đoạt của Công ty H như hồ sơ thể hiện là đúng, bị cáo đã bồi thường trước số tiền 2.000.000 đồng, do không gặp được đại diện Công ty nên bị cáo đã tạm nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T và đã nộp Biên lai thu tiền cho Hội đồng xét xử, bị cáo sẽ có nghĩa vụ bồi thường tiếp số tiền 3.150.000 đồng cho Công ty H. Khi nói lời sau cùng bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là trái pháp luật, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo trình bày do hoàn cảnh gia đình bị cáo quá khó khăn nên chưa lo được hết số tiền bồi thường cho Công ty H, bị cáo bồi thường trước một phần; bị cáo hiện không đi làm gì, ở nhà chăm sóc 03 con nhỏ, con nhỏ nhất mới sinh được hơn một tháng, giờ chỉ có một mình chồng bị cáo đi làm thuê kiếm sống. Nên bị cáo đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con và chồng bị cáo có điều kiện đi làm thuê kiếm tiền nuôi cả 04 mẹ con bị cáo, tiết kiệm để bồi thường nốt cho Công ty H..

Công ty H được Tòa án triệu tập 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Trong quá trình điều tra Công ty H yêu cầu bị cáo bồi thường cho Công ty toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt 5.150.000 đồng và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa; căn cứ kết luận giám định chữ ký, chữ viết, lời khai của

người bị hại và những người làm chứng, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các tài liệu, chứng cứ hoàn toàn phù hợp và đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 03/02/2020, tại Cửa hàng Viettel, địa chỉ số 121, 123, 125 đường Bình Thuận, tổ 8, phường T, thành phố T, Đoàn Thị L, trú tại thôn Trung Tâm, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của Công ty Tài chính TNHH MTV H, địa chỉ trụ sở tầng G, 8 và 10 Tòa nhà Phụ Nữ, số 20 Nguyễn Đăng Giai, phường T, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh số tiền 5.150.000 đồng. (L dùng chứng minh nhân dân và Giấy phép lái xe của chị Đàm Thị L, Lệ nhật được, tự giới thiệu mình là Đàm Thị L để vay tiền trả góp trên hệ thống của Công ty H để mua điện thoại di động). Hành vi dùng thủ đoạn gian dối để người khác nhầm tưởng nhằm chiếm đoạt của Công ty H số tiền 5.150.000đ (*Năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*), mà bị cáo thực hiện đã phạm vào tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng là hoàn toàn đúng người, đúng tội, có căn cứ, không oan.

Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức, có trình độ học vấn hoàn toàn nhận thức được hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là hành vi trái pháp luật. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội hoàn toàn do lỗi cố ý. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần này là phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; từ giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo thuộc trường hợp người phạm tội là phụ nữ có thai; bị cáo đã có ý thức tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, i, n, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần này là phạm tội lần đầu, bị cáo có 03 con nhỏ, đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi. Hoàn cảnh của bị cáo ở thời điểm hiện tại rất khó khăn, không có việc làm, chồng bị cáo đi làm thuê ở xa để có thu nhập nuôi cả 04 mẹ con bị cáo, ở nhà ngoài bị cáo không có ai chăm sóc các con. Xét thấy, cần cho bị cáo hưởng án treo, cải tạo tại địa phương, tạo điều kiện cho bị cáo ở nhà nuôi chăm sóc các con. Việc cho bị cáo hưởng án treo phù hợp với các quy định của pháp luật và phù hợp với nhân thân, hoàn cảnh thực tế của bị cáo và cũng là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Áp dụng thời gian thử thách đối với bị cáo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, đang nuôi con nhỏ. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, như Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[6] Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã truy tìm vật chứng của vụ án là các giấy tờ của chị Đàm Thị L mà bị cáo nhất được nhưng không tìm thấy. Đối với chiếc điện thoại di động bị cáo mua trả góp bị cáo làm rơi mất. Nên không xem xét xử lý về vật chứng trong vụ án.

[7] Về phân trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho Công ty H số tiền 5.150.000 đồng. Ghi nhận việc bị cáo đã bồi thường trước cho Công ty H số tiền 2.000.000 đồng (Bị cáo nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T và đã giao nộp Biên lai thu tiền); bị cáo còn tiếp tục phải bồi thường số tiền 3.150.000đ (*Ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch; bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, n, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Đoàn Thị L phạm tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*.

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Thị L **07 (Bảy)** tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **01 (Một)** năm **02 (Hai)** tháng; thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 20/5/2021.

Giao bị cáo Đoàn Thị L cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”

(Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, 92 của Luật thi hành án hình sự)

2. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Đoàn Thị L phải trả cho Công ty Tài chính TNHH MTV H số tiền 5.150.000 đ (*Năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*). Nhưng được trừ đi số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) mà bị cáo đã nộp bồi thường trước theo Biên lai thu tiền số 0000055 ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T; bị cáo còn phải trả cho Công ty Tài chính TNHH MTV H số tiền 3.150.000đ (*Ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

“ Đối với khoản tiền chưa bồi thường, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên có nghĩa vụ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.”

3. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo Đoàn Thị L phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm; 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự có giá ngạch. Tổng số tiền án phí bị cáo phải nộp là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*).

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thảo – Lý Thị Nhân

Lương Thanh Huyền

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp.Tuyên Quang;
- Công an tp.Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tp.Tuyên Quang;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã T, h.Yên Sơn;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

